



vấn đề con người và chủ quyền quốc gia. Chẳng hạn, những thách thức chủ yếu đối với GD là:

1- Thách thức lâu dài về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng quốc tế và sử dụng hiệu quả các nguồn con người nhưng phải bảo đảm đó là con người của dân tộc ta, kể cả nhân lực trong GD như giáo viên, cán bộ quản lí, cán bộ nghiên cứu và thông tin GD, cán bộ phục vụ tài chính, kế hoạch và đầu tư. Có thể phải giải bài toán về chọn lọc đội ngũ và xây dựng những nhân tố mới trong công tác quản lí nhân sự.

2- Thách thức cao và lâu dài về chất lượng GD ở tất cả các cấp học, các loại hình GD, các lĩnh vực học tập. Nếu chỉ lo đến GD đại học thì chưa đủ, vì tự nó chưa thể khẳng định được vị thế của GD Việt Nam trên thị trường quốc tế. GD đại học có thể nhanh chóng vươn lên tầm quốc tế nhưng điều đó sẽ vô nghĩa nếu nó không phản ánh hiệu quả thực tế của GD phổ thông và của cả nền GD Việt Nam. Khi đó nó là GD đại học của nước khác chứ không phải của chúng ta. Thiếu chất lượng thì không thể có sức cạnh tranh và cũng không có khả năng hợp tác quốc tế.

3- Thách thức gay gắt về cải cách quản lí và thủ tục hành chính bên trong và bên trên hệ thống GD. Tuy đây chỉ là thách thức tạm thời, không kéo dài mãi mà chủ yếu chỉ tác động mạnh lúc đầu nhưng nếu chúng ta không vượt qua được thì bỏ lỡ rất nhiều thời gian và cơ hội. Trong giới kinh tế người ta nói rằng hội nhập tức là chấp nhận luật chơi của thiên hạ. Trung tâm của cải cách quản lí và tổ chức hệ thống GD để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế vẫn là chuẩn, dịch vụ và thị trường GD, phi quốc lập hóa, tư thực hóa và cổ phần hóa nhà trường. Những nhân tố này tác động tích cực vào việc thay đổi, phát triển và quản lí chương trình GD. Thiếu chúng thì thiếu động lực phát triển, thiếu động lực thì khó có chất lượng và hiệu quả GD cao.

4- Thách thức lâu dài về bảo đảm công bằng xã hội trong GD. Điều này tuy có liên quan trực tiếp đến chính sách và quản lí GD vĩ mô, nhưng lâu dài lại quan hệ nhiều đến chất lượng GD. Lúc đầu cần có chính sách dẫn đường và điều chỉnh, nhưng khi GD đạt đến chất lượng nhất định thì công bằng là một phạm trù tự giác. Ai biết phận người ấy và xã hội thừa nhận đúng đắn danh phận của mỗi người thì sẽ công bằng. Bước quan trọng hàng đầu là phải tạo lập những cơ chế hành chính để bảo đảm bình đẳng về cơ hội học tập cho mọi người. Trên nền bình đẳng này (tức là trạng thái công bằng nền tảng) sẽ thực hiện công bằng xã hội, chứ không thể và không nên cố gượng tạo nên công bằng ở cấp

độ cá nhân. Giữa các cá nhân chỉ có bình đẳng về cơ hội (tức là GD phổ cập, mức sống tối thiểu gần với thu nhập bình quân, các dịch vụ sức khỏe và văn hóa cộng đồng...).

5- Thách thức về an ninh chính trị và quốc phòng thông qua trao đổi các dịch vụ GD, phát triển các loại hình trường quốc tế, liên doanh và trường của người nước ngoài có toàn vốn nước ngoài, qua các dạng du học, nhất là du học tự túc và các hoạt động hưởng thù lao của nước ngoài. Đây là điều cần phòng ngừa nhưng không nên quá thổi phồng nguy cơ của nó. Cũng cần lưu ý giám sát các chương trình đào tạo sau phổ thông theo hệ thống quốc tế tại nước ta hiện nay để không bỏ qua những phần quan trọng của GD tư tưởng chính trị, GD quốc phòng, GD công dân nói chung theo chuẩn mực đạo đức và Hiến pháp Việt Nam.

Những thách thức nảy sinh ngay trong nước khi GD nước ta hội nhập quốc tế cũng không ít và không nhỏ. Thậm chí đó là những thách thức dai dẳng, khó giải quyết. Chẳng hạn:

1- Thách thức về tập quán và tâm lí xã hội trong học tập, đặc biệt là nhu cầu học tập lớn nhưng có xu thế thiếu định hướng. Không chỉ ở cao đẳng-đại học, những môn học phổ thông như Lịch sử Việt Nam, Quốc văn, Tiếng Việt, GD công dân, chưa thực sự được học sinh yêu thích. Nhưng thách thức lớn nhất ở khía cạnh văn hóa và tâm lí học tập vẫn là kĩ năng học tập đáp ứng đúng tính chất của môi trường học tập mở và đa phương tiện ngày nay cũng như trong không gian GD thế giới. Người học của chúng ta ở mọi cấp học, kể cả học viên cao học và nghiên cứu sinh đều chưa đủ mạnh về các kĩ năng giao tiếp xã hội và học thuật bằng công nghệ thông tin, kĩ năng học hợp tác và kĩ năng cộng tác trong học tập, lao động, kĩ năng quản lí học tập, trong đó đặc biệt là thiết kế hoạt động, lập dự án, giám sát, tổ chức và đánh giá.

2- Thách thức lớn và gay gắt về phương pháp GD ở mọi cấp và ngành học. Cho đến nay nhìn chung đến tận trình độ GD đại học và sau đại học thì bản chất sâu xa của phương pháp GD mà chúng ta đang sử dụng vẫn là phương pháp GD dành cho trẻ em tiểu học và mẫu giáo-nhà trẻ. Vẫn là chép và ghi nhớ mẫu, thuộc lời giảng hay sách vở, trả thi theo những bài bản máy móc, không được làm khác, nói khác sách và tài liệu của thầy, bảo cái gì phải làm cái ấy, vừa lòng giáo viên thì được khen, trái ý thầy thì bị chê hay phạt..., học những mẫu cho sẵn mà thiếu rất nhiều yếu tố chủ động, trách nhiệm, thích ứng và sáng tạo trong tư duy và trong hành động.



Phương pháp GD cần chuyển biến căn bản về tính chất, hướng vào việc hướng dẫn con người biết sống, biết hành động thực tiễn và suy nghĩ độc lập có phê phán.

3- Thách thức về ngôn ngữ, trong giao tiếp, hiểu biết quốc tế nói chung và trong GD nói riêng. Phần nào những hạn chế về chất lượng GD khoa học, GD kĩ năng xã hội, GD kĩ năng sống, GD công nghệ hiện nay của chúng ta bắt nguồn từ hạn chế về ngoại ngữ. Giáo viên, giảng viên và cả nghiên cứu viên nếu không giỏi ngoại ngữ thì khó có thể bảo đảm chất lượng, hiệu quả giảng dạy. Sinh viên của chúng ta cũng chưa đủ mạnh về ngoại ngữ nên ảnh hưởng không ít đến hiệu quả ngoài của đào tạo. Phần lớn sinh viên ra trường đều phải học thêm rất nhiều, thậm chí hàng chục năm (trong các lĩnh vực xã hội, văn hóa) mới thực sự sử dụng được ngoại ngữ trong nghề nghiệp.

4- Thách thức về đầu tư và giải quyết các bài toán về kinh tế GD, nhất là tài chính GD trong nước và sản xuất - kinh doanh trong GD. Khi nguồn lực tài chính trong nước yếu thế hơn các nguồn đầu tư nước ngoài thì các nguồn ngoài ngân sách (từ xã hội) hoặc các nguồn tự phát thiếu kiểm soát sẽ có xu hướng ra sao chưa ai biết chắc. Nhưng đó là một thách thức không nhỏ, một bài toán xã hội khó khăn đối với GD cả về tài chính lẫn về chất lượng học tập. Nhiều tiền đầu tư nhưng đó là của ta thì không có gì ngại, nhưng lại là chuyện khác khi tiền đó là của nước ngoài. Để cân đối được tỉ lệ đầu tư thì gánh nặng tài chính của Nhà nước và nhân dân sẽ tăng lên rất nhiều. Nhà trường có thể trở thành chủ thể sản xuất-kinh doanh được không xét ở mức độ nhất định? Nếu nó cách biệt với đời sống kinh tế và quan hệ kinh tế thì nó có khả năng thực sự phát triển con người và xã hội được không?

5- Thách thức về sự chênh nhau giữa cơ cấu và tổ chức GD cũng như chương trình GD của nước ta với của thế giới nói chung và các tổ chức quốc tế nói riêng. Hệ thống và chương trình GD nước ta có phong cách truyền thống, tức là chỉ huy tập trung, và kéo theo hàng loạt những yếu tố khác trong GD cũng công kênh, thiếu tinh nhuệ, thiếu mềm dẻo, kém cơ động, kém thích ứng, và đơn điệu. Cách tổ chức GD như vậy không thuận lợi cho người học, ít cơ hội để họ chọn trường, chọn chương trình, chọn giáo viên, chọn nghề... Khi khâu người học chưa ổn thì không thể có chất lượng GD tốt, vì chính họ mới là lực lượng chủ yếu tạo nên chất lượng GD. Đây là trở ngại cần phải nhanh chóng vượt qua thì mới phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế.

6- Thách thức khá lâu dài trong quá trình chuyển đổi giá trị ở quy mô xã hội ít nhiều có xung đột và đau khổ. Thậm chí có cả đau khổ khi tiếp nhận các giá trị hiện đại, văn minh chứ không đơn thuần là chỉ khi bị nghèo đói, lạc hậu. Đau khổ vì được học nhiều, vì có nhiều sách, thư viện, câu lạc bộ, nhiều hình thức học tập... chẳng hạn. Nói chung quá trình chuyển đổi giá trị đã bắt đầu từ khi chúng ta chuyển hệ thống quản lí kinh tế sang cơ chế thị trường và đến thời kì thực sự phải hội nhập quốc tế hôm nay thì quá trình đó càng diễn ra quyết liệt hơn, nhiều xung đột hơn và một số xung đột có chiều hướng sâu sắc hơn.

Từ yêu cầu hội nhập quốc tế và phát triển GD đáp ứng tốt sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, có thể cho rằng trong chu kì chiến lược sau 2010 GD nước ta cần xem hiện đại hóa là tầm nhìn, xã hội hóa và hội nhập quốc tế là phương thức, chuẩn hóa là công cụ điều hành, và chất lượng, hiệu quả GD là mục tiêu phát triển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1- Nghị quyết của Bộ Chính trị số 07-NQ/TW ngày 27 tháng 11 năm 2001 về hội nhập kinh tế quốc tế
- 2- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 37/2002/QĐ-TTg ngày 14/3/2002 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 07/NQ-TW ngày 27/11/2001 của Bộ Chính trị về hội nhập kinh tế quốc tế
- 3- Nghị quyết của Chính phủ số 05/2005/NQ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2005 về đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động GD, y tế, văn hoá và thể dục thể thao
- 4- Vũ Văn Phúc (2005). Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, Tạp chí Quốc phòng toàn dân số 3/2005
- 5- Đề tài KHCN cấp Nhà nước KX.02.02 - "Tác động của toàn cầu hóa kinh tế và hội nhập kinh tế đến tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam". Bản tin tháng 3/2005, Hội đồng Lí luận Trung ương
- 6- Simon J. Evenett, Carlos A. Primo Braga (2005). WTO Accession: Lessons from experiences
- 7- WTO (2003). Understanding the WTO.

SUMMARY

The article recommends some orientations raising awareness and grasping the principles of economic international integration of Political Bureau and the Government, and analyses challenges and opportunities externally and internally or education when Vietnam joins WTO.



VỀ MỤC TIÊU ĐÀO TẠO CỦA NHÀ TRƯỜNG

• PGS.TS. TRẦN THỨC TRÌNH

1. Một số vấn đề về mục tiêu đào tạo của nhà trường

1.1. Mục tiêu đào tạo của nhà trường là gì?

- Mục tiêu (objective) đào tạo của nhà trường là những khẳng định chính xác rõ ràng về những gì mà nhà trường muốn đạt được. Mục đích (aim) là kết quả học tập cụ thể. Những kết quả đạt được là những yếu tố thiết yếu, là những hòn đá lát những bậc thang cho người học đi đúng mục tiêu đã định. (10)

- Từ mục tiêu như là nguyên nghĩa của nó đã chỉ ra (ob - jectus = được đặt trước) liên quan đến mục đích phải đạt, đích phải thực hiện và kết quả cần thu được. (9)

- Mục tiêu nêu lên cái đích cần đạt tới để thực hiện nhiệm vụ. Còn mục đích là cái vạch ra làm đích, nhằm đạt cho được. Có thể hiểu mục đích là mục tiêu cụ thể.

- Tổng hợp những trích dẫn kể trên, chúng tôi cho rằng: mục tiêu đào tạo của nhà trường là mẫu người, thể hiện dưới dạng mô hình ý thức, nêu lên những thuộc tính cơ bản, những yêu cầu cụ thể về một kiểu người - sản phẩm của quá trình đào tạo - trong một giai đoạn lịch sử nhất định của một đất nước.

1.2. Mục tiêu đào tạo của nhà trường bao gồm những lĩnh vực gì?

Từ giữa thế kỉ thứ 20, trên thế giới, nhiều nhà sư phạm đã thống nhất đưa ra 3 lĩnh vực khác nhau của mục tiêu, thể hiện trong cuốn "Phân loại mục tiêu giáo dục" của B.S. Bloom Thom (1951). Hơn nữa trong mỗi lĩnh vực lại chia thành những dạng kĩ năng và năng lực khác nhau (hoặc chia theo mức độ khó khăn).

a. Lĩnh vực nhận thức gắn liền với biết và hiểu. Theo Bloom có 6 mức độ:

- Biết (có khả năng trình bày, nhớ lại, lập danh sách, nhận dạng, làm lại, vẽ...)

- Hiểu (có khả năng giải thích, nêu lí do, xác định nguyên nhân, minh hoạ...)

- Áp dụng (có khả năng sử dụng, cấu tạo, giải quyết, lựa chọn,...)

- Phân tích (có khả năng phân chia, lập danh mục cấu phần, so sánh, đối chiếu, tìm sự khác nhau giữa...)

- Tổng hợp (có khả năng tóm tắt, khái quát hoá, lập luận, sắp xếp, thiết kế, giải thích lí do, lựa chọn, sử dụng, tập hợp những kĩ năng, năng lực và kiến thức đa dạng khác biệt hợp lại với

n nhau để hoàn thiện được một nhiệm vụ cụ thể mới...)

- Đánh giá (có khả năng phân xử, lập luận thuận và nghịch, phê phán...)(10)

b. Lĩnh vực tình cảm (sentimental) -(sự rung động của lòng người trước một đối tượng nào đó - phản ánh thái độ (cách nghĩ, cách làm và cách hành động theo một hướng nào đó trước một vấn đề, một tình huống), giá trị (cái làm cho một vật có ích lợi, có ý nghĩa, là đáng quý về một mặt nào đó và những lợi ích mà người học có được trong quá trình học tập).

Về tình cảm, theo Krathworth (1970) có 5 cấp độ: tiếp nhận, trả lời, làm tăng giá trị, tổ chức, đặc tính hoá.

Hơn nữa trong lĩnh vực này, theo Daniel Goleman (1955), cần quan tâm đến trí tuệ cảm xúc (emotional intelligence) với 7 thành tố: giận, buồn, sợ, yêu thương, chán ghét, thích thú, ngạc nhiên và xấu hổ.

Cần lưu ý rằng các hoạt động dạy và học không chỉ nằm trong một cấu trúc nhận thức mà còn trong cấu trúc xúc cảm đi trước nhận thức và mở cửa cho nhận thức bằng cách tạo nên hứng thú.(9)

Hơn nữa "cần phải thừa nhận rằng hình thành các mục tiêu tình cảm là một nhiệm vụ đặc biệt khó khăn đối với người dạy vì những giới hạn tương đối không rõ ràng giữa các lĩnh vực nhận thức và tình cảm và vì không biết các quá trình học mang tính tâm lí. Tuy nhiên, lĩnh vực này hoà nhập vào bình diện chủ yếu của giáo dục. Ngày nay may mắn là người ta đã chú ý hơn về các mục tiêu tình cảm trong quá trình đào tạo chung của con người. Trong một báo cáo của Bộ Giáo dục (Canada, 1997) đã đưa ra với tính xác đáng để đánh giá kiến thức của chương trình học gắn với thái độ và giá trị, những khả năng được gọi là đường hoành để chỉ rõ việc phát triển của người học phải được thực hiện qua các môn học khác nhau như thế nào"(9).

Trong (9), E. Gordan (1969) có nhận xét rằng: Nhà trường dành 85% - 90% cho việc phát triển trí thông minh trong khi cuộc sống hàng ngày người ta chỉ dùng có 20% - 35%; ngược lại yếu tố tình cảm tác động từ 55% - 80% trong cuộc sống hàng ngày, trong khi nhà trường chỉ dành cho anh ta 5% đến 10% thời gian.

c. Lĩnh vực tâm vận (psychomotor) liên